

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

Về xác định lại giới tính

Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định về xác định lại giới tính, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2008, được đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2018

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Điều 36 Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,¹

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định việc xác định lại giới tính đối với người có khuyết tật bẩm sinh về giới tính hoặc giới tính chưa được định hình chính xác.

2. Nghị định này áp dụng với các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

¹ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước Bộ Y tế."

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khuyết tật bẩm sinh về giới tính là những bất thường ở bộ phận sinh dục của một người ngay từ khi mới sinh ra, biểu hiện ở một trong các dạng như nữ lưỡng giới giả nam, nam lưỡng giới giả nữ hoặc lưỡng giới thật;

2. Giới tính chưa được định hình chính xác là những trường hợp chưa thể phân biệt được một người là nam hay nữ xét về cả bộ phận sinh dục và nhiễm sắc thể giới tính;

3. Gen biệt hoá tinh hoàn là gen mã hoá yếu tố xác định tinh hoàn nằm trên nhánh ngắn của nhiễm sắc thể Y mà nếu xét nghiệm cho kết quả dương tính thì đó chính là yếu tố của sự phát triển, hình thành tinh hoàn có biểu hiện cho nam giới.

Điều 3. Nguyên tắc xác định lại giới tính

1. Bảo đảm mỗi người được sống theo đúng giới tính của mình.

2. Việc xác định lại giới tính phải được tiến hành trên nguyên tắc tự nguyện, khách quan, trung thực, khoa học và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đã xác định lại giới tính.

3. Giữ bí mật về các thông tin liên quan đến người được xác định lại giới tính, trừ trường hợp có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp hồ sơ phục vụ cho việc kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố và xét xử liên quan đến việc xác định lại giới tính.

Điều 4. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Thực hiện việc chuyển đổi giới tính đối với những người đã hoàn thiện về giới tính.

2. Thực hiện việc xác định lại giới tính khi chưa được phép của Bộ Y tế hoặc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

3. Tiết lộ thông tin về việc xác định lại giới tính của người khác.

4. Phân biệt đối xử đối với người đã xác định lại giới tính.

Chương II

TIÊU CHUẨN Y TẾ ĐỂ XÁC ĐỊNH LẠI GIỚI TÍNH

Điều 5. Tiêu chuẩn y tế xác định khuyết tật bẩm sinh về giới tính

1. Nam lưỡng giới giả nữ:

a) Bộ phận sinh dục có dương vật nhỏ, có thể sờ thấy tinh hoàn hoặc không, siêu âm hoặc nội soi thấy tinh hoàn, không có tử cung và buồng trứng;

b) Nhiễm sắc thể giới tính là XY hoặc gen biệt hóa tinh hoàn dương tính hoặc kết hợp cả hai trường hợp trên.

2. Nữ lưỡng giới giả nam:

a) Bộ phận sinh dục có âm vật phát triển như dương vật nhưng không sờ thấy tinh hoàn, siêu âm hoặc nội soi thấy có tử cung, buồng trứng, không thấy tinh hoàn;

b) Nhiễm sắc thể giới tính là XX.

3. Lưỡng giới thật:

a) Bộ phận sinh dục không xác định được là nam hay nữ. Tuyến sinh dục có cả tổ chức tinh hoàn, buồng trứng;

b) Nhiễm sắc thể giới tính có thể là một trong các dạng XX/XY; XXX/XY; XX/XXXXY hoặc các dạng nhiễm sắc thể khác được xác định là lưỡng giới thật.

Điều 6. Tiêu chuẩn y tế xác định giới tính chưa được định hình chính xác

Nhiễm sắc thể giới tính có thể giống như trường hợp nữ lưỡng giới giả nam hoặc nam lưỡng giới giả nữ hoặc lưỡng giới thật nhưng bộ phận sinh dục chưa được biệt hoá hoàn toàn và không thể xác định chính xác là nam hay nữ.

Chương III

QUY TRÌNH CAN THIỆP Y TẾ ĐỂ XÁC ĐỊNH LẠI GIỚI TÍNH

Điều 7.² (được bãi bỏ)

Điều 8. Điều kiện đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định lại giới tính³

Bệnh viện được thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là bệnh viện công lập đa khoa, chuyên khoa ngoại, sản, nhi tuyến tỉnh, tuyến trung ương hoặc bệnh viện tư nhân có khoa ngoại và khoa sản hoặc khoa nhi.

2. Được cấp có thẩm quyền phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn về can thiệp y tế để xác định lại giới tính.

Điều 9. Khám lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị để xác định lại giới tính

1. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định lại giới tính, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức việc khám lâm sàng, cận lâm sàng để xác định lại giới tính:

² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2018

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2018

a) Khám lâm sàng:

- Ngoại hình;
- Bộ phận sinh dục ngoài và trong;
- Các trắc nghiệm về tâm lý giới tính.

b) Khám cận lâm sàng:

Tùy theo từng trường hợp cụ thể, các cán bộ chuyên môn có thể chỉ định các phương pháp khám cận lâm sàng sau:

- Siêu âm, nội soi, chụp X quang, chụp cắt lớp, chụp cộng hưởng từ;
- Xét nghiệm nội tiết tố;
- Xét nghiệm nhiễm sắc thể giới tính;
- Sinh thiết xác định tuyến sinh dục là tinh hoàn hay buồng trứng.

2. Sau khi có kết quả khám lâm sàng và cận lâm sàng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải tổ chức hội chẩn với sự tham gia của các cán bộ chuyên môn để có chỉ định phù hợp trong việc điều trị xác định lại giới tính.

3. Điều trị xác định lại giới tính:

a) Trên cơ sở đề nghị của người xác định lại giới tính, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sẽ lựa chọn giới tính để có phương pháp điều trị thích hợp, bảo đảm nguyên tắc khi ở giới tính đó, người được xác định lại giới tính có thể hòa nhập cuộc sống về tâm, sinh lý và xã hội một cách tốt nhất;

b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định tuổi của người đề nghị xác định lại giới tính để phẫu thuật, bảo đảm ở lứa tuổi sớm nhất;

c) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định phẫu thuật và điều trị nội tiết sau phẫu thuật.

Điều 10. Chứng nhận y tế sau khi can thiệp y tế xác định lại giới tính⁴

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện việc can thiệp y tế xác định lại giới tính cấp giấy chứng nhận y tế cho người đã được xác định lại giới tính theo mẫu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Chương IV

ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH SAU KHI ĐÃ XÁC ĐỊNH LẠI GIỚI TÍNH

Điều 11. Căn cứ để đăng ký hộ tịch sau khi đã xác định lại giới tính

⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2018

Giấy chứng nhận y tế quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này là căn cứ để đăng ký hộ tịch cho người đã được xác định lại giới tính.

Điều 12. Cấp Giấy chứng nhận y tế cho các trường hợp đã xác định lại giới tính ở nước ngoài hoặc đã thực hiện ở Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực

Các trường hợp đã xác định lại giới tính ở nước ngoài hoặc đã thực hiện ở Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu muốn đăng ký lại hộ tịch thì phải có giấy xác nhận đã xác định lại giới tính của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước đó và đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 8 Nghị định này để được khám kiểm tra và cấp giấy chứng nhận y tế.

Điều 13. Trách nhiệm giải quyết việc đăng ký hộ tịch cho người đã được xác định lại giới tính

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giải quyết việc đăng ký hộ tịch cho người đã được xác định lại giới tính theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

Điều 14. Thẩm quyền, thủ tục đăng ký hộ tịch cho người đã được xác định lại giới tính

Thẩm quyền, thủ tục đăng ký hộ tịch cho người đã được xác định lại giới tính được thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 16. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm ban hành quy định điều kiện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định lại giới tính, mẫu đơn đề nghị xác định lại giới tính, mẫu Giấy chứng nhận y tế đã xác định lại giới tính;

⁵ Điều 20, Điều 22 của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

2. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn việc đăng ký hộ tịch cho người đã được xác định lại giới tính.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ Y TẾ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: *01* /VBHN-BYT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, BMTE.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Việt Tiến